TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 191/2025/DS-ST Ngày 27-6-2025 V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Vọng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh;

Ông Đặng Minh Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương *tham gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 193/2025/TLST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 189/2025/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 135/2025/QĐST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP Q (V); địa chỉ trụ sở: Tầng A (tầng trệt) và tầng 2, Tòa nhà S, Số A, đường P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1.1. Anh Lưu Trường H, sinh năm 1974; vắng mặt.

1.2. Chị Lưu Phúc N, sinh năm 1999; có mặt.

1.3. Anh Phạm Xuân T, sinh năm 1998; vắng mặt.

1.4. Chị Nguyễn Huỳnh Thanh T1, sinh năm 1996; vắng mặt.

Cùng địa chỉ liên lạc: Tầng C, Số A, đường N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; là những người đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền ngày 05/6/2025).

2. *Bị đơn*: Chị Trần Ngọc T2, sinh năm 1979; cư trú tại: Số B, Tổ C, khu phố C, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 11 năm 2024; đơn khởi kiện bổ sung ngày 17 tháng 4 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q (V) là chị Lưu Phúc N trình bày:

1. Ngân hàng TMCP Q (V) đã ký với chị Trần Ngọc T2 các Hợp đồng tín dụng như sau:

* Hợp đồng tín dụng số 7267417.23 ngày 17/01/2023: Số tiền giải ngân: 393.000.000 đồng; mục đích giải ngân: Thanh toán tiền mua xe ô tô Hyundai Stargazer, biển kiểm soát 61K-209.19 theo Hợp đồng mua bán số 033-01/2023/HĐMB-HGDi phục vụ tiêu dùng; thời hạn vay: 96 tháng, từ ngày tiếp theo ngày giải ngân tới ngày 19/01/2031; lãi suất tại thời điểm giải ngân: 13.50%/năm; lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng (hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4.1%/năm); thời gian trả nợ gốc: Hàng tháng cùng với ngày trả lãi, mỗi tháng trả 4.094.000 đồng, số tiền còn lại trả vào kỳ cuối cùng; trả nợ lãi: Hàng tháng vào ngày 10, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 10/02/2023; trả phí: Theo quy đinh của V từng thời kỳ; lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

VIB đã giải ngân cho chị Trần Ngọc T2 theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 7267417(1).23 ngày 19/01/20223 với số tiền 393.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng.

* Căn cứ Đề nghị phát hành thẻ ngày 13/01/2023, VIB đồng ý cấp cho chị Trần Ngọc T2 các thẻ tín dụng, chi tiết như sau: Số thẻ 513892******0936; loại thẻ: V; hạn mức: 40.000.000 đồng và số thẻ: 513094******9416; loại thẻ: V; hạn mức: 80.000.000 đồng; lãi suất, phí: Theo quy định của V từng thời kỳ.

2. Tài sản bảo đảm cho khoản vay: Xe ô tô nhãn hiệu: Hyundai, số loại: Stargazer, biển kiểm soát: 61K-209.19, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 61047797 do Phòng C Công an tỉnh B cấp ngày 17/01/2023 đứng tên chị Trần Ngọc T2. Tài sản này được thế chấp tại VIB theo Hợp đồng thế chấp số 6094613.23 ngày 17/01/2023. Việc thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

3. Quá trình thực hiện hợp đồng, chị Trần Ngọc T2 đã vi phạm nội dung thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp đã ký, khoản vay đã quá hạn thanh toán từ ngày 04/4/2024 và đang xếp loại nợ nhóm 5 là nợ xấu theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 31/2024/TT-NHNN của Ngân hàng N1.

4. Tính đến ngày 27/6/2025, chị Trần Ngọc T2 đã thanh toán cho V số tiền là 162.402.672 đồng (trong đó: gốc là 84.802.004 đồng, thanh toán lãi là 77.600.668 đồng) và còn nợ VIB số tiền là: 588.423.254 đồng, bao gồm: Nợ gốc: 411.364.854 đồng; nợ lãi trong hạn: 2.455.494 đồng; nợ lãi quá hạn: 114.974.154 đồng; phí: 59.631.752 đồng. Ngân hàng TMCP Q yêu cầu:

- Buộc chị Trần Ngọc T2 phải thanh toán cho VIB số tiền tạm tính đến ngày 27/6/2025 là: 588.423.254 đồng, bao gồm: Nợ gốc: 411.364.854 đồng; nợ lãi

trong hạn: 2.455.494 đồng; nợ lãi quá hạn: 114.974.154 đồng và phí: 59.631.752 đồng. Ngoài ra, VIB được tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn và phí kể từ ngày 28/6/2025 cho đến khi chị Trần Ngọc T2 thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại các Hợp đồng tín dụng đã ký.

- Trong trường hợp chị Trần Ngọc T2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho V, đề nghị Tòa án tuyên VIB có quyền được yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là: Xe ô tô nhãn hiệu: Hyundai, số loại: Stargazer, biển kiểm soát: 61K-209.19, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 61047797 do Phòng C Công an tỉnh B cấp ngày 17/01/2023 đứng tên chị Trần Ngọc T2 để thu hồi nợ.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Trần Ngọc T2 không đến Tòa án làm việc; cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của chị Trần Ngọc T2 được.

Tại phiên tòa,

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn chị Lưu Phúc N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Bị đơn chị Trần Ngọc T2 vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một phát biểu quan điểm như sau:

+ Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng tín dụng và tại thời điểm thụ lý bị đơn đang cư trú tại thành phố T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

+ Về người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng; việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp tống đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; phía nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình; phía bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Tại phiên tòa lần thứ hai, bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử để giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn là đúng với quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kiểm sát viên không kiến nghị, khắc phục gì thêm.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*:

1.1 *Về quan hệ pháp luật*: Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 11 năm 2024; đơn khởi kiện bổ sung ngày 17 tháng 4 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ

án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q yêu cầu chị Trần Ngọc T2 phải trả số tiền nợ còn thiếu theo các Hợp đồng tín dụng số 7267417.23 ngày 17/01/2023, Đề nghị phát hành thẻ ngày 13/01/2023 đã ký giữa Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh Q1 - Phòng G và chị Trần Ngọc T2 và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 27/6/2025 là: 588.423.254 đồng; yêu cầu chị Trần Ngọc T2 tiếp tục trả lãi, lãi quá hạn và phí kể từ ngày 28/6/2025 cho đến khi chị Trần Ngọc T2 thanh toán xong toàn bộ khoản nợ; trường hợp chị Trần Ngọc T2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Q được yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là: Xe ô tô nhãn hiệu: Hyundai, số loại: Stargazer, biển kiểm soát: 61K-209.19, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 61047797 do Phòng C Công an tỉnh B cấp ngày 17/01/2023 đứng tên chị Trần Ngọc T2 để thu hồi nợ.

Từ những nội dung tranh chấp nêu trên, Hội đồng xét xử nhận định đây là vụ án "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng, do Ngân hàng TMCP Q đứng đơn khởi kiện đối với bị đơn là chị Trần Ngọc T2.

1.2. Về thẩm quyền: Tại thời điểm thụ lý, bị đơn là chị Trần Ngọc T2 đang cư trú tại thành phố T, tỉnh Bình Dương nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

1.3. Về việc tham gia phiên tòa của đương sự: Tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn chị Trần Ngọc T2 không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thừ hai. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử để giải quyết vụ án vắng mặt chị Trần Ngọc T2.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 17/01/2023, giữa Ngân hàng TMCP Q (V) - Chi nhánh Q1 - Phòng G và chị Trần Ngọc T2 ký Hợp đồng tín dụng số: số 7267417.23 ngày 17/01/2023, có nội dung chính như sau: Số tiền giải ngân: 393.000.000 đồng; mục đích giải ngân: Thanh toán tiền mua xe ô tô Hyundai Stargazer, biển kiểm soát 61K-209.19, theo Hợp đồng mua bán số 033-01/2023/HĐMB-HGDi phục vụ tiêu dùng; thời hạn vay: 96 tháng, từ ngày tiếp theo ngày giải ngân tới ngày 19/01/2031; lãi suất tại thời điểm giải ngân: 13.50%/năm; lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng (hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4.1%/năm); thời gian trả nợ gốc: Hàng tháng cùng với ngày trả lãi, mỗi tháng trả 4.094.000 đồng, số tiền còn lại trả vào kỳ cuối cùng; trả nợ lãi: Hàng tháng vào ngày 10, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 10/02/2023; trả phí: Theo quy định của V từng thời kỳ; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Ngoài ra, ngày 13/01/2023 chị T2 còn ký Đề nghị phát hành thẻ được VIB đồng ý cấp cho chị Trần Ngọc T2 các thẻ tín dụng, chi tiết như sau: Số thẻ 513892******0936; loại thẻ: V; hạn mức: 40.000.000 đồng và số thẻ: 513094******9416; loại thẻ: V; hạn mức: 80.000.000 đồng; lãi suất, phí: Theo

quy định của V từng thời kỳ. Như vậy: Về hình thức của Hợp đồng tín dụng và Đề nghị phát hành thẻ đã ký là phù hợp với quy định của pháp luật, các bên tự nguyện giao kết, các thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và Đề nghị phát hành thẻ đã ký không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội. Quá trình giải quyết vụ án không có đương sự nào có yêu cầu hủy bỏ Hợp đồng tín dụng và Đơn đề nghị phát hành thẻ này, do đó Hợp đồng tín dụng và Đề nghị phát hành thẻ đã ký có giá trị thi hành đối với các bên.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn về phần nợ gốc 411.364.854 đồng, xét thấy: Căn cứ vào các Hợp đồng tín dụng đã ký giữa Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh Q1 - Phòng G và chị Trần Ngọc T2, ngày 18/01/2023, Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh Q1 - Phòng G đã giải ngân số tiền 393.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản cho bên thụ hưởng là Công ty Cổ phần Ô theo Hợp đồng mua xe ô tô số 033-01/2023/HĐMB-HGDi phục vụ tiêu dùng. Sau khi giải ngân thì chị T2 có trách nhiệm trả nợ gốc hàng tháng cùng với ngày trả lãi, mỗi tháng trả 4.094.000 đồng, số tiền còn lại trả vào kỳ cuối cùng; trả nợ lãi: Hàng tháng vào ngày 10, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 10/02/2023 theo mục 2.8 của Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ. Ngoài ra, theo bảng sao kê sử dụng thẻ mà VIB cung cấp thì chị T2 còn sử dụng thẻ tín dụng được cấp. Nhưng từ ngày 04/4/2024 chị T2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận với VIB và đang xếp loại nợ nhóm 5 là nợ xấu theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 31/2024/TT-NHNN của Ngân hàng N1. Do, chị T2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của mình nên VIB khởi kiện yêu cầu thu hồi số nợ gốc còn lại là 411.364.854 đồng (trong đó nợ theo Hợp đồng tín dụng là 308.197.996 đồng, sử dụng thẻ 513892******0936 là 30.411.198 đồng và sử dụng thẻ 513094******9416 là 72.755.660 đồng) là có cơ sở nên được chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về nợ lãi xét thấy, giữa Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh Q1 - Phòng G và chị Trần Ngọc T2 đã tự nguyện thỏa thuận lãi suất vay, lãi quá hạn và lãi phạt và phí trong Hợp đồng tín dụng số 7267417.23 ngày 17/01/2023, Đề nghị phát hành thẻ ngày 13/01/2023 là phù hợp với quy định tại Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng, Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng N1 và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên các thỏa thuận về lãi, phí của các bên trong Hợp đồng tín dụng, Đề nghị cấp thẻ tín dụng đã ký được chấp nhận. Tính đến ngày ngày 27/6/2025, số tiền lãi, phí chị T2 phải có trách nhiệm trả cho V cụ thể là: Lãi trong hạn là: 2.455.494 đồng; lãi quá hạn là: 114.974.154 đồng và phí: 59.631.752 đồng. Do đó, việc VIB yêu cầu chị T2 trả số tiền lãi phát sinh này là đúng theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Đề nghị phát hành thẻ đã ký nên được chấp nhận.

[5] Như vậy, tính đến ngày 27/6/2025, chị T2 phải có nghĩa vụ trả cho V số tiền gốc, lãi phát sinh và phí là: 588.423.254 đồng, bao gồm: Nợ gốc: 411.364.854 đồng; lãi trong hạn là: 2.455.494 đồng; lãi quá hạn là: 114.974.154 đồng và phí là: 59.631.752 đồng. Chị T2 tiếp tục phải trả lãi, phí theo lãi suất thỏa

thuận trong Hợp đồng tín dụng, Đ đề nghị phát hành thẻ đã ký từ ngày 28/6/2025 cho đến khi trả xong nợ.

[6] Xét yêu cầu của nguyên đơn về xử lý tài sản thế chấp, xét thấy: Ngày 17/01/2023, giữa Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh Q1 - Phòng G và chị Trần Ngọc T2 ký Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 6094613.23; tài sản thế chấp là: Xe ô tô nhãn hiệu: Hyundai, số loại: Stargazer, biển kiểm soát: 61K-209.19, số khung: MF3NB81DEPJ015066, số máy: G4FLNQ163481, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 61047797, do Phòng C Công an tỉnh B cấp ngày 17/01/2023 đứng tên chị Trần Ngọc T2. Tài sản này được thế chấp tại VIB theo Hợp đồng thế chấp số 6094613.23 ngày 17/01/2023. Việc thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh theo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, khi chị T2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ của mình thì VIB có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ là có cơ sở nên yêu cầu của VIB được chấp nhận.

[7] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về trường hợp nếu toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ chị Trần Ngọc T2 tại V nhưng vẫn không đủ thanh toán hết khoản nợ thì chị Trần Ngọc T2 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Q. Nhận thấy, tại mục [5] đã buộc chị Trần Ngọc T2 phải trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền gốc và lãi phát sinh theo lãi suất đã được Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh Q1 - Phòng G và chị T2 thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Đề nghị phát hành thẻ cho đến khi chị T2 trả xong nợ. Do đó, trường hợp sau khi đã xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ nhưng vẫn không đủ thì VIB có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiếp tục thi hành đối với khoản còn thiếu theo quy định của pháp luật.

[8] Tại Tòa quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là có cơ sở.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12, Điều 13 và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị T2 phải chịu trên tổng số tiền phải trả cho Ngân hàng (bao gồm tiền gốc, tiền lãi phát sinh tính đến ngày 12/12/20223) là 588.423.254 đồng, với số tiền án phí là: 20.000.000 đồng (của số tiền 400.000.000 đồng) + 4% x 188.423.254 đồng (số tiền vượt quá 400.000.000 đồng) = 27.536.930 đồng; Ngân hàng TMCP Q không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 235, 238, 266, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 292, 295, 298, 299 và 317 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số

01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" đối với bị đơn là chị Trần Ngọc T2.

1.1. Buộc chị Trần Ngọc T2 phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền gốc và lãi phát sinh tính đến ngày 27/6/2025 theo Hợp đồng tín dụng số 7267417.23 ngày 17/01/2023, Đề nghị phát hành thẻ ngày 13/01/2023 đã ký giữa Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh Q1 - Phòng G và chị Trần Ngọc T2 là: 588.423.254 đồng, bao gồm: Nợ gốc: 411.364.854 đồng; nợ lãi trong hạn là: 2.455.494 đồng; nợ lãi quá hạn là: 114.974.154 đồng và phí là: 59.631.752 đồng.

1.2. Buộc chị Trần Ngọc T2 tiếp tục phải trả lãi phát sinh cho Ngân hàng TMCP Q trên số nợ gốc từ ngày 28/6/2025 cho đến khi trả xong nợ, với mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 7267417.23 ngày 17/01/2023, Đề nghị phát hành thẻ ngày 13/01/2023 đã ký giữa Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh Q1 - Phòng G và chị Trần Ngọc T2.

1.3. Trường hợp chị Trần Ngọc T2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ của mình (bao gồm: nợ gốc, nợ lãi phát sinh và phí theo các Hợp đồng tín dụng số 7267417.23 ngày 17/01/2023, Đề nghị phát hành thẻ ngày 13/01/2023 đã ký giữa Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh Q1 - Phòng G và chị Trần Ngọc T2) thì Ngân hàng TMCP Q có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp là: Xe ô tô nhãn hiệu: Hyundai, số loại: Stargazer, biển kiểm soát: 61K-209.19, số khung: MF3NB81DEPJ015066, số máy: G4FLNQ163481, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 61047797, do Phòng C Công an tỉnh B cấp ngày 17/01/2023 đứng tên chị Trần Ngọc T2 để thu hồi nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Chị Trần Ngọc T2 phải phải nộp 27.536.930đ (hai mươi bảy triệu, năm trăm ba mươi sáu nghìn, chín trăm ba mươi đồng).

2.2. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.140.000đ (mười hai triệu, một trăm bốn mươi nghìn đồng) theo các Biên lai thu tiền số 0009248 ngày 19/02/2025 và số 0001876 ngày 05/5/2025.

3. Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Đương sự có mặt tại Tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại Tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- CCTHADS thành phố Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thế Vọng